

Sự thống nhất giữa đạo đức và pháp luật trong quan điểm nhà nước pháp quyền của Chủ tịch Hồ Chí Minh

● ĐẶNG THỊ MAI * - ĐINH QUANG TUẤN **

Tóm tắt: Ở thời đại nào, dù chế độ chính trị, văn hóa, xã hội ra sao, thì vấn đề pháp luật và đạo đức luôn là một trong những vấn đề được xã hội quan tâm. Nó quyết định đến sự suy vong hay hưng thịnh, tạo nên bản sắc của mỗi một quốc gia. Trong bài viết, tác giả phân tích sự coi trọng đạo đức, đề cao pháp luật của Chủ tịch Hồ Chí Minh để thấy rõ sự thống nhất giữa đạo đức và pháp luật trong quan điểm nhà nước pháp quyền của Người.

Nước ta đang hướng tới xây dựng nền pháp quyền, mở cửa nền kinh tế, hội nhập sâu rộng với các quốc gia khu vực và thế giới, vấn đề pháp luật và đạo đức càng được coi trọng và đề cao. Vì vậy, nghiên cứu tư tưởng về thống nhất giữa đạo đức và pháp luật trong lịch sử tư tưởng Việt Nam nói chung và tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng là rất cần thiết.

Thứ nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh coi trọng đạo đức

Tư tưởng đức trị của Người thể hiện trước hết ở tư cách người lãnh đạo, bao gồm 5 điều: “Trí, tín, nhân, dũng, liêm”. Người nói: “Vi muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát mà tự mình không có đạo đức không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì⁽¹⁾”. Không tu thân thì không thể nào “bình” được thiên hạ. Người coi đó là yêu cầu số một của người muốn thực hành đức trị đối với dân tộc của mình. Liên hệ đến tình hình thực tế của ta hiện nay, thấy rằng, có một số cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo không chịu “tu thân” trước khi “bình thiên hạ”. Nếu như ai đó chưa “tu thân” mà đã đòi “trị quốc”, thì sẽ trở thành nghịch lý cả về mặt lý thuyết lẫn thực tiễn, bởi là cái nhỏ “tu thân” mà anh chưa làm được, thì làm sao kham nổi cái lớn “Trị quốc, bình thiên hạ”. Vì vậy, người cán bộ nào muốn ra làm chính trị, trước hết hãy chính lấy mình. Nếu xét mình chưa đủ

tài, đức để chính lấy mình thì chưa nên lĩnh việc trị dân. Đó mới là người cán bộ chân chính.

Sau khi đã tu được thân thì ra trị nước. Lúc ấy, người cán bộ lãnh đạo mới có đủ tư cách để làm nhiệm vụ của mình. Khi đã có đủ tư cách thừa hành nhiệm vụ, điều trước tiên, người cán bộ lãnh đạo thực hành đức trị bằng cách dẫn đường cho dân theo, tôn trọng dân, giúp dân yên ổn làm ăn, tạo sự hòa thuận trong dân, hướng về nơi dân, khoan dung với dân, thưởng, phạt công bằng, có tín tâm và thiện tâm. Đó là cơ sở gốc của đức trị theo quan điểm tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong đức trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh tối kỵ là sự lắt léo về chính trị và tư tưởng. Trong quan niệm của Người bao giờ cũng phải giữ tư tưởng cho ngay thẳng. Câu nổi tiếng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là: “Việc gì cũng phải công bình chính trực, không nên vì tâm tư, tư huệ, hoặc tư thù, tư oán”. Dem lòng nhân đức, điều hơn lẽ thiệt mà giảng giải cho người để người “quy thuận”, “cải tà quy chính” đã trở thành phép xử thế của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thứ hai, đề cao pháp luật

Trước hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm

* ThS, Cao đẳng nghề công nghiệp Hà Nội

** ThS, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

sua sang pháp chế. Vì vậy, Người luôn nhắc nhở cơ quan lập pháp phải chú ý lo việc sửa đổi, bổ sung các đạo luật cho ngày càng hoàn chỉnh.

Khi thực thi pháp luật, phải thật bình đẳng, “xử theo luật” chứ không thể “xử theo lệ”. Loại trừ mối quan hệ cá nhân và đồng tiền ra khỏi việc xét xử, thì luật sẽ đúng với “luật”. Thực thi theo đúng luật, đó là pháp trị. Bình đẳng phải đi đôi với công khai. Ai có tội, cứ mang ra xử trước tòa. Tội trạng chiếu theo luật pháp mà định mức án. Làm như vậy, người có tội sẽ không thấy nổi oan ức, mà người vô tội cũng sẽ hài lòng. Thực thi pháp luật bằng cái tâm bao giờ cũng mang lại sự tốt lành. Còn thực thi pháp luật bằng cái tà, sẽ mang lại sự xấu xa, tội lỗi. Chủ tịch Hồ Chí Minh bao giờ cũng xử lý theo đúng luật pháp. Căn cân công lý của Người chính là căn cân pháp luật. Trong thực tế, có hai việc mà một vị nguyên thủ quốc gia nào cũng cần làm tốt là: thưởng và phạt. Nếu thưởng đúng và phạt đúng sẽ đưa tới sự hưng thịnh của một quốc gia. Trái lại, nếu thưởng không đúng và phạt không đúng sẽ dẫn tới sự suy thoái của một Nhà nước. Thưởng và phạt nghiêm minh sẽ không chế được cả thiên hạ và làm cho đất nước yên bình. Lịch sử đã từng được chứng kiến có quốc gia bị hỗn loạn là do lãnh đạo của nước đó thi hành việc thưởng, phạt không nghiêm minh. Ở Chủ tịch Hồ Chí Minh, khi xét về nguyên nhân hành vi phạm pháp, Người thường nêu quan điểm lịch sử cụ thể, quan điểm khách quan. Vì vậy, những án tử hình mà Người ký (trên cương vị Chủ tịch nước) hầu hết là đúng với mức độ tội phạm. Người cho rằng, bản chất chung nhất của con người không phải là ác. Song, sở dĩ nảy sinh cái ác là do sự không kiềm chế được dục vọng trước những lợi ích cá nhân. Quan điểm của Người rất rõ ràng: Lợi ích riêng phù hợp với lợi ích chung thì xã hội chấp nhận. Khi lợi ích riêng đi ngược với lợi ích chung là phạm pháp. Người nói: “Chớ nên, lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thỏa mãn”⁽²⁾. Khi nói về pháp trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, biện pháp phòng ngừa phạm

pháp luôn nằm trong sự mong muốn của chúng ta. Phải nhìn sự việc từ khi nó mới nhú lên để có biện pháp ngăn ngừa. Muốn vậy, phải làm tốt công tác giáo dục chấp hành pháp luật, đồng thời phải tổ chức tốt trật tự xã hội. Một xã hội có trật tự, kỷ cương là xã hội ổn định.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, pháp trị không tách rời đức trị. Đức trị là biểu hiện ở sự bình đẳng, pháp trị cũng biểu hiện ở sự bình đẳng. Đây là chỗ gặp nhau giữa đức trị và pháp luật.

Xây dựng một hệ thống lý luận pháp luật dựa trên quyền lợi của nhân dân là tư tưởng vững chắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nó khác hẳn với lý thuyết pháp luật dựa trên quyền lợi của chế độ quân chủ và chế độ thực dân.

Thư ba, thống nhất đạo đức và pháp luật trong quan niệm về nhà nước pháp quyền

Như chúng ta đều biết, “đức trị” (hay nhân trị) và “pháp trị” vốn là hai tư tưởng, hai khuynh hướng trong văn hóa trị nước của nhân loại đã xuất hiện rất sớm từ thời cổ đại, Đông cũng như Tây. Chúng đối lập và đấu tranh với nhau trên lý thuyết, nhưng lại tác động và bổ sung lẫn nhau trong thực tế trị nước của nhà cầm quyền; và những nhà chính trị sáng suốt thường không bao giờ tuyệt đối hóa, độc tôn một yếu tố riêng lẻ nào.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà chính trị lão luyện và sáng suốt đã thấu hiểu được những kinh nghiệm lịch sử quý báu trong văn hóa trị nước của loài người và đã vận dụng nó một cách nhuần nhuyễn, sáng tạo trong suốt 24 năm ở cương vị đứng đầu Nhà nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một mẫu mực của sự kết hợp “đức trị” và “pháp trị”, luôn chú trọng giáo dục đạo đức nhưng cũng không ngừng nâng cao vai trò, sức mạnh của luật pháp.

Khi Người nói, cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, nước lấy dân làm gốc, dân là chủ, cán bộ là đầy tớ... do đó cán bộ phải yêu dân, kính dân, trọng dân... đó là tư tưởng chính trị đồng thời cũng là tư tưởng đạo đức. Hồ Chí Minh kế thừa tư tưởng đó của Trần Quốc Tuấn, Nguyễn Trãi... nhưng cũng xuất phát từ chính tâm, thành ý của bản thân Người. Ngày 05.4.1948, Người viết: “Nước lấy dân làm

gốc. Trong công cuộc kháng chiến, kiến quốc lực lượng chính là ở dân”.

Người chỉ ra 6 điều nên và 6 điều không nên, rất cụ thể và thiết thực. Từ tư tưởng chính trị, Người nâng lên thành tư tưởng đạo đức: “trung với nước, hiếu với dân”.

Sinh thời, Hồ Chí Minh đã thành công trong việc xây dựng một nền chính trị - đạo đức cho Nhà nước dân chủ kiểu mới của chúng ta. Do hoàn cảnh chiến tranh, công việc xây dựng Nhà nước pháp quyền chưa có điều kiện triển khai đồng bộ, nhiều tổ chức, thiết chế, pháp luật chưa được kiện toàn, còn nhiều nhược điểm và thiếu sót, nhưng ở thời điểm lịch sử ấy, Nhà nước non trẻ của chúng ta đã hoàn thành được chức năng của mình, thể hiện được uy tín và quyền lực trong nhân dân, được nhân dân ủng hộ và tuân theo, góp phần đưa dân tộc Việt Nam lên hàng các dân tộc tiên phong trên thế giới, đã làm cho một thời: Việt Nam được coi là lương tâm của thời đại, và Hà Nội là thủ đô của phẩm giá con người.

Tùy hoàn cảnh và đối tượng cụ thể, có lúc Người nhấn mạnh khía cạnh này hay khía cạnh khác, song có thể khẳng định tư tưởng pháp quyền Hồ Chí Minh là sự thống nhất giữa đạo đức và pháp luật.

Như chúng ta đã biết, đạo đức và pháp luật vốn có quan hệ khăng khít với nhau. Pháp luật bao giờ cũng là một biện pháp để khẳng định một chuẩn mực nào đó và biể: nó thành thói quen. Chuẩn mực càng khó bao nhiêu thì vai trò của pháp luật càng quan trọng bấy nhiêu. Ví dụ, tham nhũng là một hiện tượng phổ biến, xuất hiện cùng một lúc với sự xuất hiện của bộ máy nhà nước và tầng lớp cầm quyền. Nếu chỉ kêu gọi đạo đức thôi thì không bao giờ giải quyết được vấn đề, phải kết hợp giáo dục đạo đức với trừng trị bằng pháp luật. Thời đại nào, chính thể nào cũng đã từng đề ra nhiều đạo luật nghiêm khắc nhằm hạn chế loại tệ nạn này, vấn đề là có kiên quyết thực thi hay không.

Vì vậy, ta thấy Bác Hồ nêu khẩu hiệu Cần, Kiệm đi liền với Liêm, Chính. Như Người giải thích: “Liêm tức là không tham ô và luôn luôn tôn trọng, giữ gìn của công và của nhân dân. Chính tức là việc phải, dù nhỏ cũng làm, việc trái, dù nhỏ cũng tránh”.

Ngày 27.11.1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh ân định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ sẽ bị phạt tù 5 đến 20 năm khổ sai và phải nộp phạt gấp đôi số tiền nhận hối lộ. Ngày 26.01.1946, Người ký “quốc lệnh”, khế tội tham ô, trộm cắp của công vào tội tử hình.

Ngay sau khi chính quyền nhân dân vừa được thành lập năm 1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi nhân dân hãy tham gia giám sát công việc của Chính phủ. Người viết: “Từ ngày thành lập Chính phủ, trong nhân viên còn có nhiều khuyết điểm. Có người làm quan cách mạng, chợ đen, chợ đỏ, mưu vinh thân phì gia... Xin đồng bào hãy phê bình, giám sát công việc của Chính phủ”⁽³⁾.

Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà lập pháp, đồng thời là một nhà hành pháp vĩ đại. Tư tưởng của Người về sự kết hợp thống nhất, biện chứng giữa “đức trị” và “pháp trị” vẫn đang tiếp tục soi sáng chúng ta trên con đường xây dựng một Nhà nước pháp quyền mạnh mẽ, sáng suốt, Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Hồ Chí Minh là người nhận thức rất rõ vị trí, vai trò của luật pháp, đề cao tính nghiêm minh của luật pháp đối với tất cả mọi người. Pháp luật chuẩn xác, thực hiện công tâm, nghiêm minh đã phần nào nói lên tính nhân văn của pháp luật. Điều cần chú ý ở Hồ Chí Minh là pháp luật không phải để thống trị con người mà là công cụ bảo vệ, thực hiện lợi ích của con người. Tư tưởng pháp quyền của Người không chỉ dừng lại ở các quyền con người được ghi trong văn bản pháp luật mà còn thấm đẫm một tấm lòng thương yêu nhân dân, chăm lo cho dân, chăm lo cho ấm no hạnh phúc của nhân dân, thấm đượm lòng nhân ái nghĩa đồng bào theo đạo lý truyền thống ngàn năm của dân tộc Việt Nam. Vì thế, *pháp quyền Hồ Chí Minh là một loại pháp quyền đặc biệt, pháp quyền nhân nghĩa* - một thứ nhân nghĩa có nội hàm triết lý, mang đậm tính dân tộc và dân dã, sâu sắc vô cùng. Ở Hồ Chí Minh, nhân là nhân dân; nghĩa là lẽ phải, lẽ phải của đạo làm người. Nhân nghĩa là cái đạo lý của nhân dân. Pháp luật phải góp phần thực hiện và hoàn thiện đạo lý cao cả đó. Quan hệ pháp quyền này rất gần với các

chuẩn giá trị đạo đức, rất được Hồ Chí Minh coi trọng, xác định là nền tảng, là gốc của mỗi người.

Vì vậy trong thực tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kết hợp chặt chẽ việc quản lý, điều hành xã hội bằng pháp luật với việc tuyên truyền, giáo dục đạo đức cách mạng, nâng cao bản lĩnh công dân, giác ngộ lý tưởng cách mạng cho cán bộ và nhân dân. Pháp luật và đạo đức dùng để điều chỉnh hành vi của con người, nâng con người lên, hướng con người tới cái chân, cái thiện, cái mỹ. Nếu các điều luật cho phép con người được hay không được phép làm việc này hay việc khác thì đạo đức chỉ khuyến người ta nên hay không nên làm. Thông thường, một hành động vi phạm pháp luật cũng đồng thời vi phạm đạo đức. Cũng có trường hợp vi phạm đạo đức nhưng chưa tới mức vi phạm pháp luật. Hồ Chí Minh quan tâm đặc biệt tới cả hai lĩnh vực pháp luật và đạo đức. Người kết hợp hài hòa, gắn bó giữa đạo đức và pháp luật trong xử trí từng trường hợp. Theo Người, pháp luật cũng nhằm mục đích thực hiện mục tiêu, lý tưởng của cách mạng, do đó phải giáo dục cho mọi người có ý thức tự giác, có đạo đức cách mạng mới làm cho luật pháp được thực hiện. Trong quan niệm của Hồ Chí Minh, đạo đức là cơ sở để xây dựng, thực hiện pháp luật; nền pháp quyền của ta là nền pháp quyền hợp đạo đức, có nhân tính. Điều này được bản thân Hồ Chí Minh lý giải rất rõ: “Nghĩ cho cùng, vấn đề tư pháp, cũng như mọi vấn đề khác, trong lúc này, là vấn đề ở đời và làm người, ở đời và làm người là phải thương nước, thương dân, thương nhân loại đau khổ bị áp bức. Phải làm sao đóng góp vào việc làm cho nước độc lập, dân được tự do, hạnh phúc, nhân loại khỏi đau khổ”⁽¹⁾.

Sự thống nhất giữa đạo đức và pháp luật trong

tư tưởng Hồ Chí Minh còn được thể hiện ở quan điểm xử lý các hành vi phạm pháp. Nguyên tắc “có lý”, “có tình”, tôn trọng cái lý, đề cao cái tình, tùy từng trường hợp và tình huống cụ thể mà Hồ Chí Minh nhấn mạnh mặt này hay mặt khác. Xử lý các hành vi vi phạm pháp luật phải kịp thời, nghiêm túc, nghiêm minh. Pháp luật không loại trừ một ai, nhằm ngăn chặn, đẩy lùi cái xấu, cái ác, khuyến khích, nâng đỡ, phát huy cái tốt, cái thiện vốn có trong mỗi con người, chứ không đơn thuần trừng phạt, răn đe. Trong việc thực thi pháp luật, Người nói: “Xét xử đúng là tốt, nhưng nếu không xét xử thì tốt hơn”. Thực thi pháp luật cũng phải đảm bảo tính hài hòa giữa các mặt tương chừng như đối lập nhau. Phương châm của Hồ Chí Minh là: Không xử phạt là không đúng. Song, cái gì cũng trừng phạt cả cũng là không đúng, tránh lạm dụng pháp luật. Hồ Chí Minh có tâm lòng độ lượng, bao dung, không bao che, khoan hồng nhưng nghiêm khắc, luôn đấu tranh một cách chân thành, thẳng thắn với những khuyết điểm, sai lầm, với những hành vi phạm pháp.

Dưới góc nhìn của triết học, con người là tổng hòa của các mối quan hệ xã hội mà điển hình là các mối quan hệ đạo đức, quan hệ pháp luật. Có thể nói, pháp luật và đạo đức là hai yếu tố làm nảy sinh hầu hết các mối quan hệ giữa con người với con người, hiện hữu trong hành vi của con người và tác động, chi phối đến đời sống con người. Nếu việc quản lý xã hội có sự kết hợp hài hòa giữa pháp luật và đạo đức thì xã hội đó tất thuận, đất nước tất thịnh hưng./

(1) Hồ chí Minh, *Toàn tập*, T5, Nxb. CTQG H., 2011, tr.290-293.

(2), (3), (4) Hồ Chí Minh, *Về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Pháp lý, H., 1985, tr.291, 158, 187.

The unity of morality and law in President Ho Chi Minh's view on the rule of law

Abstract: *In any age, no matter how are the political, cultural or social regimes, the legal and ethical issues are always those which are being concerned by society. They determine the decline or prosperity, creating the identity of each nation. In the article, the author analyzes the viewpoints of respecting morality, praising the law of President Ho Chi Minh to see the unity between morality and law in his view regarding the rule of law.*